

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 25 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/06/2018

V/v:”Ly hôn giữa

chị Hằng và anh Tuấn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn

2. Ông Lê Khắc Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2018/HNGĐ ngày 06/4/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26 /2018/QĐXX-ST ngày 12/06 /2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1994

Trú tại: Thôn 1, xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

-Bị đơn: Anh Lê Văn T - Sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn Vỹ Thôn, xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H, có mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 3/4/2018 và được bổ sung bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn T kết hôn với nhau vào ngày 16/02/2012 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Phúc, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến những năm gần đây vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, thiếu tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng mỗi người sống một nơi, vợ chồng ly thân nhiều năm

nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Lê Thị Gi, sinh 21/02/2013 và cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 20/01/2015. Ly hôn chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Gi, anh T nuôi cháu K không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ chung: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Ý kiến trình bày của anh Lê Văn T: Tại bản tự khai ngày 23/4/2018 anh T thống nhất với chị H về thời điểm kết hôn điều kiện kết hôn nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T thống nhất anh với chị H có hai con chung là cháu Lê Thị Gi, sinh 21/02/2013 và cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 20/01/2015. Ly hôn anh yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu Gi và cháu K không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản công nợ chung: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã thông báo phiên họp và phiên hòa giải nhưng anh T không lên tòa án làm việc nên tòa án không thể tiến hành được hòa giải được. Tại phiên tòa anh T có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như bản tự khai đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Về phần con chung anh xin nuôi hai con chung; Anh T khai làm nghề thợ xây lương tháng 10.000.000đ nên đủ lo cho hai con nhưng anh không có chứng cứ chứng minh cho thu nhập của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc thẩm tra tại phiên toà. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên tòa cho chị H nhưng chị H có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 227 BLTTDS tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2].Về hôn nhân: và anh Lê Văn T kết hôn với nhau vào ngày 16/02/2012 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Phúc là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến những năm gần đây vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được với nhau, mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay anh T và chị H xét thấy tình cảm vợ chồng ko còn, mục đích hôn nhân ko đạt được nên anh, chị đề nghị tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh chị không còn tình cảm với nhau nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận đơn ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Chị H, anh T thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Gi, sinh 21/02/2013 và cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 20/01/2015. Xét yêu cầu nuôi con của chị H, anh T thấy rằng, anh chị có hai con chung, anh chị đều là người khỏe mạnh, có đủ điều kiện nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi con là chính đáng phù hợp pháp luật. Xét mọi mặt có lợi cho cháu Giang và cháu Kiệt. HĐXX xét thấy giao cháu Giang là con gái cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về phần tài sản, công nợ: Chị H, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí:

Chị H chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, Điều 81,82,83 Luật HNGĐ, Khoản 1 Điều 227, 271,273 BLTTDS.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: +Giao cháu Lê Thị Gi, sinh 21/02/2013 cho chị H trực tiếp nuôi d- ỡng.

+Giao cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 20/01/2015 cho anh T trực tiếp nuôi d- ỡng.

Chị H, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

Chị H, anh T không phải cấp d- ỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: áp dụng Khoản 4 Điều 147, BLTTDS, Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban th- ờng vụ Quốc hội.

+Chị H chịu 300.000đ án phí DSST nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2014/0001372 ngày 06/04/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá, chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Thiệu Hóa
- Chi cục THA DS huyện Thiệu Hóa.
- UBND xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa.
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân

Anh Tuấn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Hằng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản án hoặc ngày niêm yết bản án./

Nội nh

- Các đ- ơng sự
- Chi c
- VKSND huyện Thiệu Hóa.
- L- u hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**